

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển.....	5
6. Các rủi ro.....	5
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>6</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
+ Tóm tắt tình hình hoạt động trong năm.....	6
+ Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	6
2. Tổ chức và nhân sự.....	7
+ Danh sách Ban điều hành.....	7
+ Những thay đổi trong Ban điều hành.....	10
+ Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách cho người lao động.....	10
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính.....	11
a. Tình hình tài chính.....	11
b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	12
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>12</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2. Tình hình tài chính.....	13
a. Tình hình tài sản.....	13
b. Tình hình nợ phải trả.....	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	14
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	14
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>15</b>
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.....	15
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD công ty.....	15
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.....	16
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>16</b>
1. Hội đồng quản trị.....	16
2. Ban kiểm soát.....	18
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS.....	19
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>20</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	20
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	21

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH – THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**  
**Năm báo cáo 2014**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

– Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH – THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG.**

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **1700418394** , đăng ký lần đầu ngày 11/07/2003, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/11/2012.

– Vốn điều lệ: **12.310.600.000 đồng.**

– Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **12.310.600.000 đồng.**

– Địa chỉ: **Lô E16 số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.**

– Số điện thoại: **077. 3862125**

– Số fax: **077. 3867517**

– Website: **http://www.donghostb.com.vn** - Email: **vanphong.kbe@gmail.com**

– Mã cổ phiếu: **KBE**

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

– Quá trình hình thành và phát triển:

+ *Quá trình hình thành:*

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang tiền thân là Công ty Sách Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (doanh nghiệp nhà nước). Được thành lập căn cứ vào thông tư số 14/TT-TC ngày 10-06-1982 của bộ Giáo Dục (nay là Bộ Giáo Dục – Đào tạo). Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang đã ra quyết định số 371/QĐ-UB ngày 30-8-1982, thành lập Công ty Sách Thiết Bị Trường Học trực thuộc Ty Giáo Dục (nay là Sở Giáo dục – Đào tạo Kiên Giang) trên cơ sở hợp nhất Phòng Phát hành - thư viện và Phòng Thiết bị dạy học.

Từ năm 1984 – 1992 tổ chức hoạt động của Công Ty đi vào nề nếp. Từ đó công tác phát hành sách, thư viện trường học và xây dựng các phòng thí nghiệm – thực hành đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Từ 1999 đến nay Công Ty được giao thêm công tác phát hành sách và văn hóa phẩm thuộc các ngành Văn Hóa – Thông Tin quản lý. Công ty đã có quan hệ với 43 Nhà Xuất Bản trong cả nước để có đủ nguồn sách đa dạng và phong phú phục vụ cho bạn đọc tỉnh nhà. Do làm tốt công tác này nên Công Ty được Bộ Văn Hóa- Thông Tin cấp bằng khen.

+ *Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:*

Thực hiện Quyết định số 38/QĐ\_TTg ngày 08-01-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2003-2005; căn cứ vào Quyết định số 1760/QĐ\_UB ngày 26-06-2003 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển Công ty Sách Thiết Bị Trường Học Kiên Giang thành Công ty cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang.

Ngày 01-07-2003 Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần. Sau khi thành lập công ty đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động theo đúng pháp luật qui định, đúng điều lệ hoạt động của công ty.

Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 56-03-00014 ngày 11-07-2003 (lần đầu). Vốn điều lệ: 6.155.300.000 đồng (Sáu tỉ một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Vốn nhà nước sở hữu chiếm 40% tổng vốn điều lệ.

Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 28-12-2006 với số 56-03-00014 bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ không đổi.

Đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần hai, ngày 24-07-2008 số: 56-03-00014 bổ sung thêm một số ngành nghề, vốn điều lệ không đổi.

Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ ba ngày 12-02-2009, số: 1700-418394, bổ sung thêm một số ngành nghề, vốn điều lệ tăng gấp đôi: 12.310.600.000 đồng (Mười hai tỉ ba trăm mười triệu sáu trăm ngàn đồng), vốn nhà nước chiếm giữ giảm còn 20%.

Tháng 03/2009, Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo đúng luật định. Đến 01/03/2010, công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với mã giao dịch là KBE.

Ngày 15/11/2012 công ty đăng ký thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ 4 do thay đổi trụ sở làm việc mới từ trụ sở cũ số 40 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá, Kiên Giang về trụ sở mới Lô E16 số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, Rạch Giá, Kiên Giang.

– Các sự kiện khác: không.

**3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh***

– Ngành nghề kinh doanh:

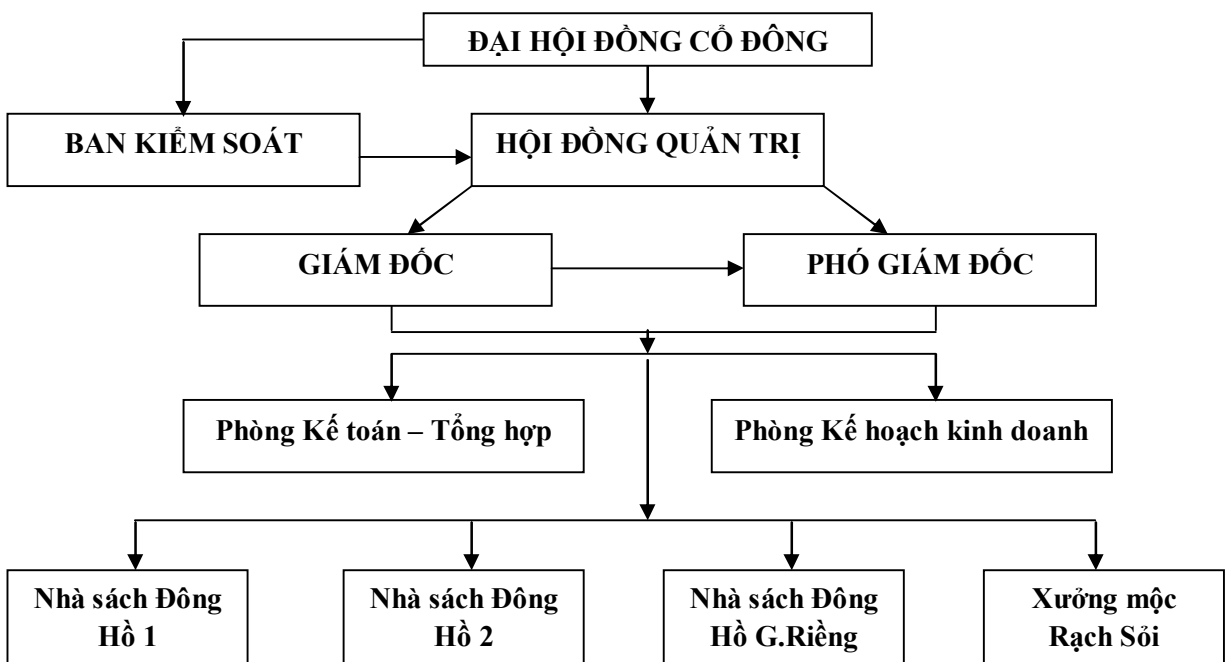
+ Mua bán, phát hành các loại sách, thiết bị dạy học, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, quà lưu niệm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ TDTT...

+ In ấn, liên kết in ấn các loại...

- + Bán buôn, bán lẻ các loại thiết bị đồ dùng, đồ dùng gia đình...
- + Bán buôn, bán lẻ các thiết bị vi tính, thiết bị văn phòng, thiết bị điện, thiết bị viễn thông...
- + Sản xuất và cung cấp các mặt hàng đồ gỗ trang bị cho nhà trường, văn phòng.
- Địa bàn kinh doanh:
  - + Hệ thống bán lẻ tập trung chủ yếu tại thành phố Rạch Giá và huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
  - + Hệ thống bán sỉ: cung cấp hàng hóa cho các đại lý, Phòng Giáo dục, và các trường rộng khắp 15 huyện, thị, thành phố trong tỉnh Kiên Giang.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.



- Cơ cấu bộ máy quản lý.
  - a. Hội đồng quản trị: gồm 5 thành viên, trong đó 1 Chủ tịch và 4 thành viên và 1 thư ký.
  - b. Ban kiểm soát: Gồm có 01 Trưởng ban và 02 thành viên .
  - c. Ban Giám đốc gồm 3 thành viên: 1 Giám đốc và 2 Phó Giám đốc.
  - d. Các phòng ban:
    - + Phòng Kế hoạch kinh doanh : 01 Trưởng phòng
    - + Phòng Kế toán - Tổng hợp : 01 Trưởng phòng, 02 phó phòng
  - đ. Các chi nhánh trực thuộc Công ty:
    - + Nhà sách Đông Hồ 1: 01 Cửa hàng trưởng , 02 cửa hàng phó

Địa chỉ: 98B Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.876996; Fax: 0773.876995.

+ Nhà sách Đông Hồ 2: 01 Cửa hàng trưởng , 02 cửa hàng phó

Địa chỉ: 989 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.914717; Fax: 0773.914716.

+ Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: 01 Cửa hàng trưởng , 01 cửa hàng phó.

Địa chỉ: Khu trung tâm Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.654297; Fax: 0773.631935.

+ Xưởng mộc Rạch Sỏi: 01 Quản đốc

Địa chỉ: 45 Trần Cao Vân, phường Rạch Sỏi, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.865252; Fax: 0773.865252.

– Các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### **5. Định hướng phát triển**

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, lợi ích của cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tiếp tục mở rộng thị phần bán lẻ ở các tuyến huyện khi có điều kiện thuận lợi; tìm ra các hình thức kinh doanh mới, phù hợp nhằm tăng doanh thu, tạo thêm việc làm, đảm bảo đời sống cho người lao động và lợi ích của cổ đông.

– Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Công ty cổ phần Sách – TBTH Kiên Giang thường xuyên ủng hộ và tài trợ cho các chương trình phát triển Giáo dục tại địa phương, tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện khác nhằm hướng tới một xã hội cùng phát triển bền vững. Bên cạnh đó công ty cũng từng bước cải thiện môi trường kinh doanh, sản xuất nhằm hướng đến mục tiêu là một công ty xanh góp phần xây dựng một thế giới xanh – sạch – đẹp.

#### **6. Các rủi ro:**

##### **a. Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Khi đăng ký Công ty đại chúng thì hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán, Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó là các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty: Luật Quản lý thuế, thuế Thu nhập doanh nghiệp...

**b. Rủi ro đặc thù**

Sách là một loại hàng hóa đặc biệt, nếu không có chính sách thu mua phù hợp đối với từng loại sách khác nhau thì Công ty có thể gánh chịu lượng hàng tồn kho lớn và hao tổn chi phí cho Công ty. Đồng thời, đặc thù của kinh doanh nhà sách là số lượng tiêu thụ tăng mạnh vào mùa tựu trường, nên vào những mùa thấp điểm, lượng hàng tồn kho khá lớn được dự trữ và giao cho các cửa hàng quản lý sẽ trở thành một gánh nặng cho Công ty. Bên cạnh đó, hiện nay nguồn sách và văn phòng phẩm luôn đa dạng, phong phú và được cập nhật liên tục nên lượng hàng tồn kho nếu không tiêu thụ trong thời gian ngắn sẽ bị lỗi thời và tiếp tục ứ đọng. Vì thế, yếu tố hàng tồn kho trở nên rủi ro và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**c. Rủi ro khác**

Những hàng hóa của Công ty kinh doanh hiện nay chủ yếu là sách và văn phòng phẩm là những vật liệu dễ cháy, do đó, rủi ro về hỏa hoạn luôn cần được cảnh giác và vấn đề phòng ngừa hỏa hoạn, tuân thủ nghiêm túc những quy định về phòng cháy, chữa cháy phải đặt lên hàng đầu. Ngoài ra, đối với những nhân tố rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2014**

CHỈ TIÊU	TH 2013	KH 2014	TH 2014	% TH 2014 so TH 2013	% TH 2014 so KH 2014
Tổng tài sản	29.121.834.493	-	36.712.552.465	126,07%	-
Doanh thu thuần	89.254.244.275	100.300.000.000	100.520.464.790	112,62%	100,22%
Lợi nhuận từ HĐKD	3.252.502.112	3.795.706.800	3.315.105.090	101,92%	87,34%
Lợi nhuận khác	174.817.089	130.000.000	367.707.728	210,34%	282,85%
Lợi nhuận trước thuế	3.427.319.201	3.925.706.800	3.682.812.818	107,45%	93,81%
Thuế TNDN	598.510.297	675.221.570	596.401.132	99,65%	88,33%
Lợi nhuận sau thuế	2.828.808.904	3.250.485.230	3.086.411.686	109,11%	94,95%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	22,98%	26,40%	25,07%	109,09%	94,96%
Tỷ lệ cổ tức (%)	20%	20%	20%	100%	100%

**Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Theo bảng tóm tắt trên có thể thấy, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 12,62% so năm 2013 và đạt 100,22% so với kế hoạch năm 2014; lợi nhuận từ hoạt động sản xuất, kinh

doanh chính không đạt so với kế hoạch năm (*chỉ đạt 87,34% kế hoạch năm*), tuy nhiên nếu so sánh với thực hiện năm trước thì lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có tăng trưởng hơn (*tăng 1,92% so với năm 2013*).

Thu nhập khác năm nay cao hơn năm trước là do trong năm 2014 công ty đã thu hoàn lại số tiền 254 triệu đồng từ việc giảm quỹ tiền lương năm 2013 và 2014 của HĐQT và Giám đốc điều hành công ty do trong năm 2013 và 2014 chỉ tiêu lợi nhuận của công ty không đạt so với kế hoạch năm.

## 2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Sơn	Phó Giám đốc
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Phó Giám đốc
Ông Lâm Nhật Minh	Kế toán trưởng

<b>1</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>: Nguyễn Hùng Dũng</b>
❖	Chức vụ hiện tại	: Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty
❖	Giới tính	: Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	: 14/11/1955
❖	Quốc tịch	: Việt Nam
❖	Dân tộc	: Kinh
❖	Số CMTND	: 370404614 cấp ngày 17/07/2006 tại Kiên Giang
❖	Địa chỉ thường trú	: 13 Lạc Long Quân – P. Vĩnh Lạc – Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
❖	Số điện thoại liên lạc	: 0913606292
❖	Trình độ văn hóa	: 12/12
❖	Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính Kế toán
❖	Quá trình công tác	
	- Từ 1975-1983	: Giáo viên huyện Giồng Riềng – Kiên Giang
	- Từ 1983-2008	: Kế toán trưởng CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
	- Từ 08/2008 đến nay	: Giám đốc – TV HĐQT CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không

❖ Số cổ phần nắm giữ	110.080 cổ phần chiếm 8,94% vốn điều lệ
<b>2 Họ và tên</b>	<b>Đỗ Ngọc Sơn</b>
❖ Chức vụ hiện tại	: Phó Giám đốc
❖ Giới tính	: Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	: 03/02/1959
❖ Quốc tịch	: Việt Nam
❖ Dân tộc	: Kinh
❖ Số CMTND	: 371334397 cấp ngày 10/10/2005 tại Kiên Giang
❖ Địa chỉ thường trú	: 892 Ngô Quyền, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
❖ Số điện thoại liên lạc	: 0918622383
❖ Trình độ văn hóa	: 10/10
❖ Trình độ chuyên môn	: Cử nhân ngành sư phạm
❖ Quá trình công tác	
- Từ 11/1981 – tháng 10/1984	: Giáo viên trường Sư phạm Cấp I Kiên Giang
- Từ 11/1984 đến nay	: Công tác tại Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
- Từ tháng 05/2005 đến nay	: Phó Giám đốc CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
❖ Số cổ phần nắm giữ	45.600 cổ phần chiếm 3,7% vốn điều lệ
<b>3 Họ và tên</b>	<b>Lâm Văn Nguyễn Huy</b>
❖ Chức vụ hiện tại	: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh
❖ Giới tính	: Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	: 10/08/1975
❖ Quốc tịch	: Việt Nam
❖ Dân tộc	: Kinh
❖ Số CMTND	: 370684536
❖ Địa chỉ thường trú	: 191/6/13 Nguyễn Trung Trực, Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
❖ Số điện thoại liên lạc	: 0989860666



❖ Trình độ văn hóa	:	12/12
❖ Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Công nghệ thông tin
❖ Quá trình công tác	:	
- Từ 1990-2009	:	Công tác tại CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
- Từ 2009 - 2013	:	Cửa hàng trưởng Nhà sách Đông Hồ 1, TV HĐQT CTCP Sách – Thiết bị trường học KG
- Từ 2014	:	Phó Giám đốc, Trưởng phòng Kinh doanh, TV HĐQT CTCP Sách – Thiết bị trường học KG
❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖ Số cổ phần nắm giữ	:	94.230 cổ phần chiếm 7,65% vốn điều lệ
<b>4 Họ và tên</b>	:	<b>Lâm Nhựt Minh</b>
❖ Chức vụ hiện tại	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
❖ Giới tính	:	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	:	07/06/1971
❖ Quốc tịch	:	Việt Nam
❖ Dân tộc	:	Kinh
❖ Số CMTND	:	370500784 cấp ngày 17/12/2001 tại Kiên Giang
❖ Địa chỉ thường trú	:	61 Bạch Đằng, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
❖ Số điện thoại liên lạc	:	0903709254
❖ Trình độ văn hóa	:	12/12
❖ Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
❖ Quá trình công tác	:	
- Từ 2004 - 2006	:	Kế toán bán hàng tại nhà sách Đông Hồ 2 – Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang
- Từ 2006 - 2009	:	Cửa hàng phó nhà sách Đông Hồ 2 - Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang
- Từ 2009 - 2010	:	Trưởng phòng Kế toán Cty CP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
- Từ 2010 đến nay	:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán –

Tổng hợp Cty CP Sách – Thiết bị trường học  
Kiên Giang

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- ❖ Số cổ phần nắm giữ : 2.000 cổ phần chiếm 0,16% vốn điều lệ

– **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Trong năm 2014 Ban điều hành không có sự thay đổi.

– **Số lượng cán bộ, nhân viên; chính sách cho người lao động:**

+ Tổng số CBCNV có mặt tại đơn vị tính đến ngày 31/12/2014 là 124 người so với số đầu năm 122 người tăng 02 người. Phân loại:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG (người)
<b>I</b>	<b>THEO TRÌNH ĐỘ</b>	<b>124</b>
1	Trên Đại học, Đại học	29
2	Trung cấp	29
3	Khác	66
<b>II</b>	<b>THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</b>	<b>124</b>
1	Không thời hạn	56
2	Xác định thời hạn	62
3	Mùa vụ và thử việc	06

+ **Chính sách cho người lao động:**

*Chính sách đào tạo:* Hàng năm, tùy vào tình hình và nhu cầu thực tế công ty sẽ cử CBCNV tham dự các lớp nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc mời giảng viên có kinh nghiệm về đơn vị mở lớp tập huấn về các kỹ năng quản lý, bán hàng, marketing...

*Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi:* Căn cứ vào Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, công ty đã tiến hành xây dựng lại toàn bộ hệ thống thang, bảng lương mới đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, từng bộ phận, khuyến khích người lao động làm việc nhiệt tình, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị; Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động cũng được xây dựng theo quy định hiện hành. Công ty còn thực hiện chế độ khen thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác.

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm theo quy định của pháp luật: BHXH – BHYT – BHTN, công ty đảm bảo không nợ tiền đóng bảo hiểm, người lao động được hưởng trợ cấp BHXH : ốm đau, thai sản, bệnh tật, chế độ thôi việc... luôn kịp thời. Hàng năm công ty còn trích quỹ phúc lợi để tổ chức cho CBCNV có thành tích xuất sắc được đi học tập, tham quan, du lịch trong nước.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2014 công ty không có đầu tư vào dự án nào.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

**4. Tình hình tài chính****a) Tình hình tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Tổng giá trị tài sản	29.121.834.493	36.712.552.465	126,07
Doanh thu thuần	89.254.244.275	100.520.464.790	112,62
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.252.502.112	3.315.105.090	101,92
Lợi nhuận khác	174.817.089	367.707.728	210,34
Lợi nhuận trước thuế	3.427.319.201	3.682.812.818	107,45
Lợi nhuận sau thuế	2.808.808.904	3.086.411.686	109,11
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2.298	2.507	109,09

– Các chỉ tiêu khác:

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,94	1,58	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,53	0,74	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	33,82	47,50	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	51,10	90,49	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4,59	5,39	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản :	3,06	2,74	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,17	3,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,68	16,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,71	8,41	

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,64	3,30	
+ Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	2.298	2.507	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 1.231.060 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi và cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: đến ngày 31/12/2014.

STT	Cổ đông	Tổng số CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>CỔ ĐÔNG LỚN</b>	<b>558.590</b>	<b>45,38%</b>
<b>I</b>	<b>Cá nhân:</b>	<b>312.390</b>	<b>25,38%</b>
1	Cá nhân trong nước	312.390	25,38%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>246.200</b>	<b>20,00%</b>
1	Tổ chức trong nước	246.200	20,00%
2	Tổ chức nước ngoài	0	0
<b>B</b>	<b>CỔ ĐÔNG NHỎ</b>	<b>672.470</b>	<b>54,62%</b>
<b>I</b>	<b>Cá nhân:</b>	<b>671.470</b>	<b>54,54%</b>
1	Cá nhân trong nước	671.470	54,54%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>1.000</b>	<b>0,08%</b>
1	Tổ chức trong nước	1.000	0.08%
2	Tổ chức nước ngoài	0	0
	<b>TỔNG CỘNG (A + B)</b>	<b>1.231.060</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2014 không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Xem bảng tóm tắt hoạt động kinh doanh của công ty ở phần II. Qua đó cho thấy năm 2014 tổng lợi nhuận sau thuế đạt được là 3,086 tỷ đồng so với kế hoạch đặt ra đầu

năm 2014 là 3,250 tỷ đồng chỉ đạt 94,95% nhưng so với năm 2013 tăng 9,11% tương đương số tiền tăng là 258 triệu đồng.

– Về mặt SXKD chính không xét yếu tố thu nhập khác thì doanh thu năm nay có cao hơn năm trước 12,62% và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2014 cao hơn 1,92% so với năm 2013. Như vậy hoạt động kinh doanh của công ty có chiều hướng phát triển.

– Năm 2014, tình hình kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty có cùng ngành nghề trên địa bàn bắt buộc công ty phải áp dụng nhiều hình thức khuyến mãi, tặng chiết khấu cho khách hàng nhằm nắm vững thị phần, mặt khác chi phí bán hàng và chi phí quản lý cũng tăng, chủ yếu là do chính sách tiền lương của Chính phủ tăng hàng năm làm cho chi phí nhân viên tăng kéo theo một số chế độ như BHYT – BHXH – BHTNg- KPCĐ cũng tăng theo, từ đó đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Một số chỉ tiêu chi phí tăng cao chủ yếu như:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	TỶ LỆ %
01	Chi phí tiền lương	9.261.374.574	10.727.244.625	115,83
02	BHXH-BHYT-BHTNg-KPCĐ	1.026.534.645	1.256.228.490	122,38
03	Chiết khấu bán hàng	1.004.119.676	2.518.415.012	250,81

Tuy trong năm qua tình hình kinh doanh gặp không ít những khó khăn nhưng Ban Giám đốc công ty đã kịp thời nắm bắt nhiều cơ hội, có những giải pháp kinh doanh hợp lý nhằm đưa doanh thu của công ty đạt mức 100 tỷ đồng, đạt được mục tiêu đề ra từ nhiều năm qua nhưng chưa đạt được.

– Để đạt được mục tiêu trên, trong năm 2014 Ban Giám đốc công ty tiếp tục việc giao khoán các chỉ tiêu như: doanh thu, chi phí, lợi nhuận và tiền lương cho các bộ phận kinh doanh nhằm tạo động lực phát huy tinh thần tiết kiệm, giảm chi phí trong kinh doanh để từ đó tăng thu nhập cho người lao động; công tác nhân sự cũng thường xuyên được sắp xếp cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế, nhằm phát huy năng lực của từng cá nhân; công tác ngoại giao, marketing được chú trọng nhằm tạo uy tín, niềm tin với khách hàng và các đối tác giúp công ty giữ vững được thị phần.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản:

Cuối năm 2014, công ty có tổng tài sản là 36,712 tỷ đồng, tăng 7,591 tỷ đồng tương đương tăng 26,07% so với thời điểm cuối năm 2013. Quy mô tài sản trong năm ít biến động, tuy nhiên cơ cấu tài sản có sự thay đổi

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Tài sản lưu động/ tổng tài sản	65,53%	75,26%
Tài sản cố định/ tổng tài sản	34,47%	24,74%

Tài sản ngắn hạn tăng từ 19,083 tỷ đồng lên 27,630 tỷ đồng tương đương tăng 44,79% . Trong đó :

- + Các khoản phải thu từ 4,610 tỷ đồng tăng lên 12,205 tỷ đồng tăng 164,75%;
- + Tài sản ngắn hạn khác từ 136 triệu đồng tăng lên 279 triệu đồng tăng 105,15%
- + Hàng hóa tồn kho từ 13,868 tỷ tăng lên 14,677 tỷ đồng tăng 5,83%.

Tài sản dài hạn giảm từ 10,038 tỷ đồng còn 9,082 tỷ đồng tương đương giảm 9,52%. Do trong năm công ty có tiến hành bán thanh lý một số TSCĐ đã khấu hao hết và không còn sử dụng được, tổng nguyên giá TSCĐ thanh lý là 300.612.783 đồng.

#### **Tình hình nợ phải trả**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014</b>
Các khoản vay	5.839.835.648	1.297.107.820
Phải trả người bán	6.090.127.907	4.499.497.748
Phải trả CBCNV và phải trả khác	3.992.253.334	3.740.619.491
Chi phí phải trả	1.517.214.518	311.488.376
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.439.431.407</b>	<b>9.848.713.435</b>

- **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:** Hiện tại công ty có đủ khả năng để chi trả các khoản nợ vay và công nợ cho nhà cung cấp. cuối năm công ty không có các rủi ro về thanh toán. Công ty không sử dụng ngoại tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Công ty luôn coi trọng và thường xuyên cải tổ công tác quản lý bán hàng ở các nhà sách. Năm 2014, công ty đã đưa một số cán bộ quản lý chủ chốt đi tập huấn các lớp về nâng cao trình độ quản lý và trình độ bán hàng nhằm từng bước chuyên môn hóa các khâu quan trọng trong công tác kinh doanh.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Trong năm 2015 và những năm tiếp theo, công ty tiếp tục thực hiện việc cải tổ công tác quản lý, tăng cường quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm, tiếp tục thực hiện kế hoạch khoán doanh thu – giá vốn – chi phí - tiền lương và thu nhập đến các đơn vị trực thuộc nhằm xóa bỏ những hạn chế, yếu kém còn tồn tại; xây dựng một đội ngũ nhân viên có nội lực, dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo trong môi trường kinh doanh ngày càng có tính cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

Đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng về đa dạng chủng loại hàng hóa, tăng cường khai thác các mặt hàng mới, thường xuyên cập nhật thị hiếu của khách hàng nhằm cung ứng kịp thời các mặt hàng theo nhu cầu của khách; tiếp tục mở rộng và khai thác mặt hàng sổ sách quản lý, đánh giá chất lượng dạy và học của các cấp học, các

trường mẫu giáo cùng với các thiết bị, sổ sách quản lý phục vụ cho các chương trình đổi mới giáo dục (công nghệ, Vnen); tìm đối tác để liên kết, liên doanh khai thác các mặt hàng văn phòng phẩm, thiết bị dạy học để thực hiện bán buôn các mặt hàng này.

Tăng cường và mở rộng công tác tiếp thị đến các cơ quan, trường học, công ty, xí nghiệp để mở rộng thị phần; có chương trình khuyến mãi hợp lý để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo thị phần vững chắc trong nền kinh tế thị trường.

Tham mưu với Hội đồng Quản trị lập phương án huy động vốn trong từng thời kỳ đáp ứng đủ nguồn vốn trong SXKD, tiết kiệm chi phí lãi vay ngân hàng và đủ vốn để đầu tư mở rộng qui mô kinh doanh.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong năm qua tuy công tác kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn, các nhà sách của công ty gặp sự cạnh tranh gay gắt không chỉ sách mà các mặt hàng khác cũng vậy, một thành phố Rạch Giá không lớn nhưng có đến 04 siêu thị tầm cỡ hoạt động (02 siêu thị Coop, 01 Citimart, 01 Metro) và nhiều nhà sách tư nhân mới ra đời làm cho thị phần của công ty tại địa bàn thành phố Rạch Giá bị chia xẻ và giảm sút rất nhiều, nhưng Ban Giám đốc đã cố gắng tìm mọi giải pháp để công ty đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông năm 2014 đã đề ra. Cụ thể doanh thu đã đạt so với kế hoạch là 100,500 tỷ đồng và tăng 12,62% so với năm 2013.

Bên cạnh đó, việc giảm đầu tư công của chính phủ cũng đã ảnh hưởng đến doanh số và hoạt động của công ty. Xưởng sản xuất thiết bị nhận được ít đơn hàng, sản xuất cầm chừng, đời sống công nhân gặp nhiều khó khăn, có một số đã nghỉ việc; doanh thu mảng thiết bị giảm sút so với năm trước.

Trong năm 2014 công ty đã cố gắng để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Ban giám đốc đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt chú ý chỉ tiêu lợi nhuận, tăng cường thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý, điều hành, khen thưởng kịp thời những cá nhân mang lại lợi ích cho công ty; đồng thời cũng mạnh dạn chấn chỉnh, thay thế những cán bộ yếu kém không hoàn thành nhiệm vụ được phân công; tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc sâu sát, khách quan và minh bạch. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn và định hướng cho Ban Giám đốc nhằm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong quá trình điều hành, Ban giám đốc công ty đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, bảo đảm sản xuất kinh doanh của công ty đúng qui định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Nhìn chung, giám sát quá trình tác nghiệp của Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty chưa phát hiện các vi phạm Điều lệ công ty, vi phạm luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Năm 2015, Hội đồng quản trị hy vọng Ban Giám đốc công ty tiếp tục có những tiến bộ hơn trong công tác quản lý, điều hành nhằm đưa hoạt động của công ty ngày một phát triển hơn.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhất quán chiến lược phát triển của công ty đã được xác định, Hội đồng Quản trị chỉ đạo xây dựng, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, tuân thủ đúng định hướng chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh, hoàn tất các thủ tục cần thiết để tiến hành xây dựng Nhà sách Đông Hồ Huyện Vĩnh Thuận, khi các điều kiện thuận lợi về kinh tế.

Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch đặc biệt chú ý các chỉ tiêu lợi nhuận. Tăng cường thực hiện các chức năng, giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những cá nhân mang lại lợi ích cho công ty. Đồng thời mạnh dạn chấn chỉnh, thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong các kỳ họp.

Theo dõi chỉ đạo sát sao các hoạt động của công ty, tuân thủ đúng quy định, quy chế, Điều lệ hoạt động và pháp luật có liên quan.

Phối hợp tốt với Ban kiểm soát tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo qui định.

Tăng cường việc quản bá thương hiệu công ty trên phương tiện thông tin truyền thông, có chiến lược xây dựng kế hoạch tạo nguồn phát triển nhân lực để đáp ứng yêu cầu công ty trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm có 5 thành viên

- Thành viên Hội đồng quản trị: *trước Đại hội cổ đông năm 2014*

Ông Châu Văn Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Ông Nguyễn Hùng Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Đỗ Hiếu Liêm

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

Ông Lâm Văn Nguyễn Huy

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Đặng Văn Lành

Thành viên Hội đồng quản trị. (*Đại diện vốn nhà nước*).

- Thành viên Hội đồng quản trị: *sau Đại hội cổ đông năm 2014*

Ông Châu Văn Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Ông Nguyễn Hùng Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Đỗ Hiếu Liêm

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

Ông Lâm Văn Nguyễn Huy

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Trần Văn Thón

Thành viên Hội đồng quản trị. (*Đại diện vốn nhà nước*).

- Cơ cấu Hội đồng quản trị:



STT	Danh sách	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành viên HĐQT không điều hành:</b>			
1	Châu Văn Hiếu	8,78%	Không có	
2	Đặng Văn Lành	20%	Kiểm soát viên Cty TNHH MTV Du lịch-Thương mại Kiên Giang.	Đại diện vốn nhà nước đến tháng 04/2014
3	Trần Văn Thón	20%	Thành viên Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Du lịch-Thương mại Kiên Giang.	Đại diện vốn nhà nước từ tháng 04/2014
4	Đỗ Hiếu Liêm	Không	Thành viên HĐQT Cty cổ phần Kinh doanh Nông Sản Kiên Giang	Thành viên độc lập
<b>II</b>	<b>Các thành viên khác:</b>			
1	Nguyễn Hùng Dũng	8,94%	Không có	
2	Lâm Văn Nguyễn Huy	7.65%	Không có	

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** HĐQT công ty không có các tiểu ban

c) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát bộ máy quản trị và điều hành công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ như giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý... các mẫu biểu báo cáo của Ban giám đốc và các bộ phận quản lý. Giám đốc thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được giao trong điều lệ và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

Giám sát, chủ trì thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2014; thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, các chỉ tiêu về tiền lương, lợi nhuận, cổ tức... giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra theo NQ Đại hội cổ đông đầu năm.

Trong năm 2014, HĐQT đã tiến hành được 4 cuộc họp chính thức để đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của từng quý; ngoài ra còn có một số cuộc họp đột xuất để thống nhất các vấn đề cần giải quyết ngay. Năm 2014, HĐQT đã đề ra các Nghị quyết và Quyết định sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	QĐ số 01/2014/QĐ-KBE	01/01/2014	V/v thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng công ty.
02	QĐ số 02/2014/QĐ-KBE	23/01/2014	V/v khen thưởng cho HĐQT, thư ký và Ban kiểm soát

03	QĐ số 08/2014/QĐ-HĐQT-KBE	20/02/2014	V/v Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương.
04	NQ số 01/2014/NQ-HĐQT-KBE	26/02/2013	V/v chia cổ tức đợt 2 năm 2013 và tổ chức Đại hội Cổ đông năm 2014.
05	QĐ số 15/2014/QĐ-KBE	30/03/2014	V/v Ban hành Quy chế “Thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc”
06	QĐ số 16/2014/QĐ-KBE	30/03/2014	V/v Ban hành Quy chế đối thoại tại nơi làm việc.
07	QĐ số 17/2014/QĐ-KBE	30/03/2014	V/v Ban hành Quy chế phối hợp tổ chức Hội nghị người lao động.
08	NQ số 02/2014/NQ-ĐHCD	12/04/2014	Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.
09	NQ số 12/2014/NQ-HĐQT-KBE	23/10/2014	V/v tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt, tỷ lệ 10%.
10	QĐ số 09/2014/QĐ-HĐQT	31/12/2014	V/v xử lý hàng thiếu sau kiểm kê.
11	QĐ số 10/2014/QĐ-HĐQT	31/12/2014	V/v điều chỉnh thứ tự trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- + Ông Châu Văn Hiếu      Chủ tịch HĐQT
- + Ông Đỗ Hiếu Liêm      Thành viên HĐQT độc lập
- + Ông Nguyễn Hùng Dũng Thành viên HĐQT
- + Ông Trần Văn Thón      Thành viên HĐQT

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2014: Không có

## 2. Ban Kiểm soát.

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
01	Đình Hoài Thanh	Trưởng Ban	0	0	Không
02	Phạm Thị Tuyết Nhung	Thành viên	0	0	Không
03	Lưu Minh Tú	Thành viên	500	0.04%	Không

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát công ty trong năm 2014 đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

+ Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

+ Kịp thời tham mưu cho Hội đồng quản trị công ty về tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động, đảm bảo nội bộ công ty luôn đoàn kết.

+ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, năm của phòng tài chính kế toán trước khi trình Hội đồng quản trị đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát****a) Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN ĐÃ CHI
01	CHÂU VĂN HIẾU	Chủ tịch HĐQT	48.000.000
02	ĐỖ HIẾU LIÊM	Thành viên HĐQT	36.000.000
03	NGUYỄN HÙNG DŨNG	GD, Thành viên HĐQT	36.000.000
04	LÂM VĂN NGUYỄN HUY	Thành viên HĐQT	36.000.000
05	ĐẶNG VĂN LÀNH	Thành viên HĐQT	9.000.000
06	TRẦN VĂN THÓN	Thành viên HĐQT	27.000.000
07	ĐỖ NGỌC SƠN	PGĐ, Thư ký HĐQT	21.600.000
08	ĐINH HOÀI THANH	Trưởng Ban kiểm soát	26.400.000
09	LIU MINH TÚ	Thành viên BKS	13.200.000
10	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	Thành viên BKS	13.200.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>266.400.000</b>

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với CĐNB	Số CP sở hữu đầu kỳ (01/01/2014)		Số CP sở hữu cuối kỳ (31/12/2014)		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
01	Châu Văn Hiếu		100.520	8,16%	108.080	8,78%	Mua thêm

- c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có
- d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Số: 15.261/BCKT-DTL

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

#### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2015 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỘC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ NGỌC BẢO**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2136-2013-026-1



## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán :

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>27.630.171.840</b>	<b>19.083.586.165</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>467.859.058</b>	<b>468.913.203</b>
1. Tiền	111		467.859.058	468.913.203
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>12.205.404.005</b>	<b>4.610.295.454</b>
1. Phải thu khách hàng	131		12.343.758.673	4.763.698.646
2. Trả trước cho người bán	132		10.104.297	1.818.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135			29.716.310
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(148.458.965)	(184.937.902)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.3)	<b>14.677.559.641</b>	<b>13.868.204.172</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.804.496.821	13.961.902.175
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(126.937.180)	(93.698.003)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>279.349.136</b>	<b>136.173.336</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		78.384.136	78.573.336
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	200.965.000	57.600.000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.082.380.625</b>	<b>10.038.248.328</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.285.338.050</b>	<b>8.947.592.430</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	6.665.149.190	7.312.403.570
+ Nguyên giá	222		10.886.932.897	11.187.545.680
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.221.783.707)	(3.875.142.110)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.600.000.000	1.615.000.000
+ Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.000.000)	(45.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		20.188.860	20.188.860
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.7)	<b>527.370.000</b>	<b>591.370.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		610.370.000	610.370.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(83.000.000)	(19.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>269.672.575</b>	<b>499.285.898</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	269.672.575	499.285.898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>36.712.552.465</b>	<b>29.121.834.493</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.439.431.407</b>	<b>9.848.713.435</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.439.431.407</b>	<b>9.848.713.435</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	5.839.835.648	1.297.107.820
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	6.090.127.907	4.499.497.748
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	39.624.299	27.543.977
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	758.251.079	691.069.980
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	2.228.643.486	1.979.211.832
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	1.517.214.518	311.488.376
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	565.923.763	764.990.397
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.15)	399.810.707	277.803.305
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.273.121.058</b>	<b>19.273.121.058</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.16.1)	<b>19.273.121.058</b>	<b>19.273.121.058</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.231.060.000	1.231.060.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.16.5)	5.179.061.058	5.179.061.058
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>36.712.552.465</b>	<b>29.121.834.493</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		427.054.864	427.054.864
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



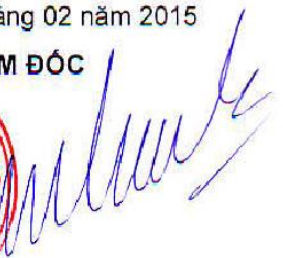
NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÂM NHẬT MINH

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG



Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		105.393.424.510	90.674.215.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.872.959.720	1.419.970.778
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	100.520.464.790	89.254.244.275
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	76.896.497.167	68.745.363.233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.623.967.623	20.508.881.042
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	60.105.035	70.145.272
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	434.584.318	433.174.092
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>370.584.318</i>	<i>561.174.092</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	15.896.749.180	13.218.066.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	4.037.634.070	3.675.283.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.315.105.090	3.252.502.112
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	367.707.728	175.247.805
12. Chi phí khác	32			430.716
13. Lợi nhuận khác	40		367.707.728	174.817.089
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.682.812.818	3.427.319.201
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	596.401.132	598.510.297
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.086.411.686	2.828.808.904
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.15.4)	2.507	2.298

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






NGUYỄN THÙY LINH

LÂM NHẬT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		3.682.812.818	3.427.319.201
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		662.254.380	708.314.800
Các khoản dự phòng	03		60.760.240	(126.844.068)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.917.543)	(72.714.556)
Chi phí lãi vay	06		370.584.318	561.174.092
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4.716.494.213</b>	<b>4.497.249.469</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.250.889.330)	1.276.169.116
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(842.594.646)	2.321.813.605
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.486.954.861	(4.251.030.557)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		229.802.523	356.164.375
Tiền lãi vay đã trả	13		(361.325.797)	(561.174.092)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(738.572.056)	(1.263.334.362)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		78.190.000	44.480.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(705.839.284)	(872.587.030)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.387.779.516)</b>	<b>1.547.750.524</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(109.606.687)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.850.000	3.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.067.543	70.145.272
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>59.917.543</b>	<b>(36.461.415)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14.569.462.886	14.569.462.886
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.026.735.058)	(13.452.355.066)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.215.920.000)	(3.446.980.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.326.807.828</b>	<b>(2.329.872.180)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.054.145)</b>	<b>(818.583.071)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>468.913.203</b>	<b>1.287.496.274</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>467.859.058</b>	<b>468.913.203</b>

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÂM NHẬT MINH

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÙNG DŨNG



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại lô E16, Số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 28 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 123 (31/12/2013: 122 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (1629);



- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### **2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **2.4. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư cố định thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

#### 4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.



- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bìa (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (hoặc giá bán).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối năm tài chính xác định được lượng hàng hóa kém, mất chất lượng, chậm luân chuyển hoặc do Nhà nước quy định thay sách giáo khoa, Công ty trích lập dự phòng giảm giá trị vào chi phí.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

#### 4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá là giá trị quyền sử dụng diện tích 451,1 m<sup>2</sup> đất tại Lô E16-57 Đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian sử dụng hữu ích của phần mềm là 8 năm.



**4.7. Lương**

Theo biên bản thẩm định đơn giá tiền lương năm 2014, quỹ lương năm 2014 được duyệt là 74,37% trên tổng thu nhập chưa tính lương, không bao gồm quỹ lương Ban Giám Đốc.

Tiền lương sản xuất phụ được hạch toán thẳng vào chi phí và giá thành sản phẩm không tính trong đơn giá tiền lương được duyệt.

**4.8. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

**4.9. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này đã được tất toán trong năm 2012.

**4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích lần lượt 5%, 10% và 3% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014. Trường hợp lợi nhuận thực hiện không đạt được theo kế hoạch thì lợi nhuận còn lại sau khi trích cổ tức cho cổ đông, thù lao Hội đồng quản trị và quỹ dự phòng tài chính sẽ phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ quy định.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

**4.12. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



**4.13. Thuế**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Ưu đãi thuế*

Theo khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa)	5%
+ Hóa mỹ phẩm, thiết bị điện tử như máy tính casio	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.14. Công cụ tài chính**

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.15. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	88.625.124	34.788.047
Tiền gửi ngân hàng	379.233.934	434.125.156
<b>Tổng cộng</b>	<b>467.859.058</b>	<b>468.913.203</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	12.343.758.673	4.763.698.646
Trả trước cho người bán	10.104.297	1.818.400
Các khoản phải thu khác	-	29.716.310
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>12.353.862.970</b>	<b>4.795.233.356</b>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(148.458.965)	(184.937.902)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>12.205.404.005</b>	<b>4.610.295.454</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**5.3. Hàng tồn kho**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	874.111.728	1.219.374.821
Thành phẩm	241.109.000	279.738.000
Hàng hóa	13.689.276.093	12.462.789.354
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>14.804.496.821</b>	<b>13.961.902.175</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(126.937.180)	(93.698.003)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>14.677.559.641</b>	<b>13.868.204.172</b>



**5.4. Tài sản ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tam ứng	50.000.000	32.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>150.965.000</u>	<u>25.600.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>200.965.000</u></b>	<b><u>57.600.000</u></b>

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	VND				
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	9.066.493.801	633.798.113	1.163.002.366	324.251.400	11.187.545.680
Phân loại lại	-	(273.880.330)	(103.360.440)	377.240.770	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.664.500)	-	(248.948.283)	(300.612.783)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>9.066.493.801</u></b>	<b><u>308.253.283</u></b>	<b><u>1.059.641.926</u></b>	<b><u>452.543.887</u></b>	<b><u>10.886.932.897</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.424.192.381	569.607.995	589.186.479	292.155.255	3.875.142.110
Khấu hao trong năm	482.401.128	-	138.153.252	26.700.000	647.254.380
Phân loại lại	(35.620.354)	(209.690.212)	(93.670.365)	338.980.931	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.664.500)	-	(248.948.283)	(300.612.783)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>2.870.973.155</u></b>	<b><u>308.253.283</u></b>	<b><u>633.669.366</u></b>	<b><u>408.887.903</u></b>	<b><u>4.221.783.707</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	6.642.301.420	64.190.118	573.815.887	32.096.145	7.312.403.570
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>6.195.520.646</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>425.972.560</u></b>	<b><u>43.655.984</u></b>	<b><u>6.665.149.190</u></b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 2.772.377.034 đồng - Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.008.665.883 đồng.

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>1.660.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong năm	-	15.000.000	15.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.540.000.000	75.000.000	1.615.000.000
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.9.

**5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	40.000	523.000.000	40.000	523.000.000
Công ty Cổ phần Đức Trí	8.737	87.370.000	8.737	87.370.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>610.370.000</b>		<b>610.370.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(83.000.000)		(19.000.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>527.370.000</b>		<b>591.370.000</b>

**5.8. Chi phí trả trước dài hạn**

Là khoản chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

**5.9. Vay ngắn hạn**

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty và chịu lãi suất từ 9% đến 13%/năm - Xem thêm mục 5.5, 5.6.



**5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	6.090.127.907	4.499.497.748
Người mua trả tiền trước	<u>39.624.299</u>	<u>27.543.977</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.129.752.206</u></b>	<b><u>4.527.041.725</u></b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	563.891.626	272.863.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.278.453	278.449.377
Thuế thu nhập cá nhân	<u>58.081.000</u>	<u>139.756.667</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>758.251.079</u></b>	<b><u>691.069.980</u></b>

**5.12. Phải trả người lao động**

Là khoản trích lương nhưng chưa chi.

**5.13. Chi phí phải trả**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chiết khấu bán hàng	1.441.919.220	307.601.599
Chi phí thưởng bán hàng	3.886.777	3.886.777
Chi phí phải trả khác	<u>71.408.521</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.517.214.518</u></b>	<b><u>311.488.376</u></b>

**5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức	246.200.000	246.200.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	299.920.810	<u>22.274.660</u>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>19.802.953</u>	<u>496.515.737</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>565.923.763</u></b>	<b><u>764.990.397</u></b>

## 5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	277.803.305	723.044.712
Trích lập trong năm	447.747.686	128.182.323
Sử dụng trong năm	<u>(325.740.284)</u>	<u>(573.423.730)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>399.810.707</u></b>	<b><u>277.803.305</u></b>

## 5.16. Vốn chủ sở hữu

## 5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>552.400.000</b>	<b>1.168.254.719</b>	<b>6.463.503.058</b>	<b>20.494.757.777</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	2.828.808.904	2.828.808.904
Trích lập quỹ	-	-	62.805.281	-	62.805.281
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.113.250.904)	(4.113.250.904)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>	<b><u>552.400.000</u></b>	<b><u>1.231.060.000</u></b>	<b><u>5.179.061.058</u></b>	<b><u>19.273.121.058</u></b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	3.086.411.686	3.086.411.686
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.086.411.686)	(3.086.411.686)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>	<b><u>552.400.000</u></b>	<b><u>1.231.060.000</u></b>	<b><u>5.179.061.058</u></b>	<b><u>19.273.121.058</u></b>

## 5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%
Công nhân viên	6.526.160.000	53%	6.526.160.000	53%
Đối tượng khác	<u>3.322.440.000</u>	<u>27%</u>	<u>3.322.440.000</u>	<u>27%</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**5.16.3. Cổ phần**

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

**5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.086.411.686	2.828.808.904
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	<u>1.231.060</u>	<u>1.231.060</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b><u>2.507</u></b>	<b><u>2.298</u></b>

**5.16.5. Phân phối lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	5.179.061.058	6.463.503.058
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.086.411.686	2.828.808.904
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(62.805.281)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(447.747.686)	(128.182.323)
Chia cổ tức	(2.462.120.000)	(3.693.180.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<u>(176.544.000)</u>	<u>(229.083.300)</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>5.179.061.058</u></b>	<b><u>5.179.061.058</u></b>



**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	102.865.710.232	90.275.999.136
Doanh thu nội bộ	2.527.714.278	398.215.917
Hàng bán bị trả lại	<u>(4.872.959.720)</u>	<u>(1.419.970.778)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>100.520.464.790</u></b>	<b><u>89.254.244.275</u></b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	76.896.497.167	68.745.363.233

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.067.543	14.145.272
Cổ tức được chia	48.000.000	56.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<u>3.037.492</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>60.105.035</u></b>	<b><u>70.145.272</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	370.584.318	561.174.092
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	<u>64.000.000</u>	<u>(128.000.000)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>434.584.318</u></b>	<b><u>433.174.092</u></b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.957.544.514	8.738.927.997
Chi phí chiết khấu, thưởng bán hàng	2.383.595.211	994.104.159
Chi phí vật liệu, bao bì	295.320.600	232.523.344
Chi phí công cụ dụng cụ	430.224.912	458.731.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	336.231.108	370.215.470
Thuế, phí và lệ phí	347.925.793	382.636.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.071.443.151	1.944.142.979
Chi phí bằng tiền khác	74.463.891	96.784.129
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.896.749.180</b>	<b>13.218.066.295</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.595.337.001	2.142.693.722
Chi phí đồ dùng văn phòng	176.402.124	205.164.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.454.712	324.280.770
Thuế, phí, lệ phí	33.473.272	40.066.733
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(36.478.937)	98.602.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.405.591	336.590.382
Chi phí bằng tiền khác	606.040.307	527.885.695
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.037.634.070</b>	<b>3.675.283.815</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.850.000	3.000.000
Hoàn nhập quỹ lương chủ tịch hội đồng quản trị và ban giám đốc	254.092.367	-
Các khoản thu nhập khác	110.765.361	172.247.805
<b>Tổng cộng</b>	<b>367.707.728</b>	<b>175.247.805</b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.682.812.818	3.427.319.201
Cổ tức không chịu thuế	<u>(48.000.000)</u>	<u>(56.000.000)</u>
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>3.634.812.818</b>	<b>3.371.319.201</b>
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	<i>1.693.814.063</i>	<i>1.628.796.685</i>
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động thông thường</i>	<i>1.940.998.755</i>	<i>1.742.522.516</i>
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	<u>22%</u>	<u>25%</u>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>596.401.132</u></b>	<b><u>598.510.297</u></b>

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.383.873.595	1.344.088.343
Chi phí nhân công	13.269.486.015	11.647.404.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.254.380	708.314.800
Chi phí dự phòng	(36.478.937)	98.602.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.509.893.371	2.357.703.297
Chi phí khác bằng tiền	<u>4.362.224.507</u>	<u>3.403.722.836</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>22.151.252.931</u></b>	<b><u>19.559.835.442</u></b>

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	266.400.000	247.200.000
Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc	<u>679.682.395</u>	<u>798.695.630</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>946.082.395</u></b>	<b><u>1.045.895.630</u></b>



**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.859.058	468.913.203
Phải thu khách hàng	12.195.299.708	4.578.760.744
Tài sản tài chính khác	150.965.000	25.600.000
Đầu tư dài hạn khác	527.370.000	591.370.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.341.493.766</b>	<b>5.664.643.947</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	5.839.835.648	1.297.107.820
Phải trả người bán và phải trả khác	6.356.130.860	4.996.013.485
Chi phí phải trả	1.513.327.741	307.601.599
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.709.294.249</b>	<b>6.600.722.904</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Quản lý rủi ro lãi suất

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.356.130.860	-	6.356.130.860
Các khoản vay	5.839.835.648	-	5.839.835.648
Chi phí phải trả	1.513.327.741	-	1.513.327.741
<b>01/01/2014</b>			
Phải trả người bán	4.996.013.485	-	4.996.013.485
Các khoản vay	1.297.107.820	-	1.297.107.820
Chi phí phải trả	307.601.599	-	307.601.599

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>31/12/2014</b>			
Phải thu khách hàng	12.195.299.708	-	12.195.299.708
Tài sản tài chính khác	150.965.000	-	150.965.000
Đầu tư dài hạn khác	-	527.370.000	527.370.000
<b>01/01/2014</b>			
Phải thu khách hàng	4.578.760.744	-	4.578.760.744
Tài sản tài chính khác	25.600.000	-	25.600.000
Đầu tư dài hạn khác	-	591.370.000	591.370.000

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÂM NHẬT MINH

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÙNG DŨNG

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước,
- Sở GD&ĐT Hà Nội,
- Thành viên HĐQT,
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Châu Văn Hiếu